

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về Sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình, với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, những năm qua kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt mục tiêu, tiến độ đề ra; kinh tế tăng trưởng tích cực, an sinh xã hội và đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Chương trình cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh được quan tâm và tăng cường, nhiều công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được xây dựng, nâng cấp mở rộng và khai thác vận hành theo hướng xã hội hóa; tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo quy chuẩn được tăng lên; thành tựu trên góp phần nâng cao sức khỏe, giảm thiểu bệnh tật, cải thiện rõ rệt chất lượng sống của người dân. Đặc biệt góp phần không nhỏ vào thành tựu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay công tác quản lý hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn đang gặp phải một số khó khăn, vướng mắc, đó là:

- Nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn chưa được đảm bảo do tác động của biến đổi khí hậu và tác động của phát triển kinh tế xã hội; nguồn nước dưới đất ngày càng khan hiếm, nguồn nước mặt có nguy cơ ô nhiễm cao, chất lượng nước không ổn định trong khi các công trình cấp nước sạch nông thôn chủ yếu là công trình có quy mô công suất vừa và nhỏ, năng lực khai thác thấp nên có nguy cơ mất an toàn cấp nước, không đảm bảo chất lượng, số lượng nước cấp.

- Việc thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn chưa thực sự hiệu quả do chưa được quan tâm đúng mức, kinh phí thực hiện chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Nhiều công trình đã xây dựng từ lâu, công nghệ xử lý chưa đáp ứng yêu cầu cấp nước an toàn, đặc biệt trang thiết bị chưa đáp ứng thực hiện cấp nước an toàn.

Để khắc phục các khó khăn, vướng mắc đang xảy ra trong thực tiễn triển khai thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này, việc ban hành Kế hoạch thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2028 là rất cần thiết.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

- Đến hết năm 2022, trên địa bàn các xã nông thôn tỉnh Ninh Bình có 236.797 hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh (chiếm 96,5% tổng số hộ dân nông thôn), trong đó có 157.056 hộ gia đình sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung (chiếm 64% tổng số hộ dân nông thôn). Các công trình cấp nước tập trung cùng với các nguồn cấp nước nhỏ lẻ đang cấp nước sạch đáp ứng quy chuẩn cho 166.945 hộ gia đình nông thôn sử dụng (chiếm 68,03% tổng số hộ dân nông thôn).

- Hiện tại có 59 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100m³/ngày đêm trở lên đang hoạt động, được chia theo 4 mô hình quản lý công trình cấp nước SHNT, cụ thể:

+ Doanh nghiệp quản lý 43 công trình. Trong đó: Công ty Cổ phần Nước sạch và vệ sinh nông thôn: 30 công trình; Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình: 03 công trình; Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư nước sạch và môi trường Hùng Thành: 04 công trình; Công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại Trung Thành: 02 công trình; Doanh nghiệp tư nhân Đại Thắng: 01 công trình; Công ty TNHH Nước sạch môi trường và Giống cây trồng Đồng Phong: 01 công trình; Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Phú Vinh: 01 công trình; Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Hoàng Bình Minh: 01 công trình.

+ Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn quản lý 02 công trình

+ Hợp tác xã quản lý 02 công trình

+ UBND xã, thôn quản lý 12 công trình

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng.

- Bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước đảm bảo phù hợp quy chuẩn, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 98%, trong đó có 70% số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn theo quy định.
- 100% hệ thống cấp nước khu vực nông thôn hoàn thành việc lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Truyền thông, vận động cộng đồng

- Tổ chức thực hiện trên cơ sở kế hoạch hàng năm với nội dung: Tuyên truyền giáo dục Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, giới thiệu phổ biến Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn, giới thiệu nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm về thực hiện tốt cấp nước an toàn để người dân, các cơ sở cấp nước, chính quyền các cấp nâng cao trách nhiệm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cấp nước an toàn, bền vững.

- Đẩy mạnh truyền thông thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng (phát thanh, truyền hình...), các loại ấn phẩm (báo, tạp chí, tờ rơi...); tập trung tuyên truyền cao điểm vào dịp Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường hàng năm (từ 29/4 đến 06/5), ngày Môi trường Thế giới (05/6).

2. Đào tạo, nâng cao năng lực, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cấp nước an toàn

- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp, đội ngũ công nhân trực tiếp quản lý việc cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nguồn nước, thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn. Tập trung đào tạo nâng cao năng lực về cấp nước an toàn cho các cơ sở cấp nước tập trung vùng nông thôn. Tổ chức hướng dẫn các quy chuẩn, tiêu chuẩn về vật tư, thiết bị trong thực hiện cấp nước an toàn.

- Rà soát, hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn thiết kế, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với đặc điểm công trình cũng như thỏa mãn yêu cầu cấp nước an toàn trong giai đoạn tới.

- Tăng cường sử dụng phần mềm trong quản lý, giám sát, thực hiện cấp nước an toàn từ cơ sở cấp nước đến cơ quan quản lý cấp tỉnh. Thiết lập cơ sở hệ thống dữ liệu, thông tin theo dõi, giám sát và đánh giá cấp nước an toàn.

- Tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật công nghệ trong hoạt động cấp nước an toàn từ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, mở rộng hợp tác quốc tế và đẩy mạnh trao đổi với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ trong khoa học, công nghệ về cấp nước an toàn.

3. Xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn cho các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung

- Các đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch, kiểm tra đánh giá nội bộ kế hoạch cấp nước an toàn và kiểm soát, ứng phó trong trường

hợp gặp sự cố đối với từng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo nội dung quy định tại Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 244/QĐ-TCTL ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi.

- Các công trình cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh có công suất từ 100m³/ngày đêm trở lên theo Phụ lục Danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình kèm theo kế hoạch này.

- Trong trường hợp thay đổi đơn vị quản lý cấp nước, đơn vị tiếp nhận công trình có trách nhiệm lập kế hoạch cấp nước an toàn, triển khai thực hiện hoặc thực hiện theo kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị đã được phê duyệt.

4. Thực hiện quản lý và bảo vệ nguồn nước

- Thực hiện rà soát, bàn giao hành lang bảo vệ các nguồn nước và xây dựng các phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng các nguồn nước. Kiểm tra, xử lý các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép

- Từng bước đầu tư các hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng nguồn nước; kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các hoạt động gây tác hại đến nguồn nước.

5. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước của các đơn vị cấp nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành

- Thực hiện nội kiểm chất lượng nước: Các đơn vị cấp nước nghiêm túc tự thực hiện theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo quy định.

6. Phát triển hệ thống cấp nước

Tiếp tục thu hút, khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nước sạch nông thôn, lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn theo chủ trương tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, vốn ngân sách địa phương, vốn dân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cấp nước hiện có để đảm bảo cấp nước phục vụ nhân dân.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị cấp nước được tính vào giá thành sản xuất nước sạch theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Kinh phí thực hiện tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Hằng năm, căn cứ nội dung Kế hoạch và tình hình thực tế. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện trình các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Ban hành tài liệu, hướng dẫn các đơn vị cấp nước lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

- Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn; hướng dẫn các đơn vị cấp nước theo dõi, giám sát và duy trì số lượng, chất lượng nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá độc lập định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu đối với việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng thông tin, dữ liệu bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn cho UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch đã đề ra.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị cấp nước tổ chức thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình và hệ thống cấp nước sạch đô thị cấp nước cho khu vực nông thôn. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước sạch đô thị cấp nước cho khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu đưa công trình cấp nước vào sử dụng đảm bảo chất lượng theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định; tham mưu việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước; thực hiện quan trắc

định kỳ chất lượng nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh theo quy định; kiểm tra, giám sát các hoạt động xả chất thải vào nguồn nước; xử lý các hành vi xả chất thải không đúng quy định gây ô nhiễm nguồn nước (*nếu có*) theo thẩm quyền.

- Trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, tổng hợp, hướng dẫn đơn vị cấp nước thực hiện các tiêu chí, chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá chất lượng nước thô đầu nguồn hệ thống cấp nước sinh hoạt trước khi đưa vào xử lý.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước và các quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

4. Sở Y tế

- Trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước sạch, tổng hợp, hướng dẫn đơn vị cấp nước thực hiện các tiêu chí, chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt trước khi cung cấp cho khách hàng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng nước sạch các hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan trong việc khắc phục các sự cố, xử lý các hành vi gây ô nhiễm nước sạch thuộc các hệ thống cấp nước sinh hoạt trên toàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm trong lĩnh vực cấp nước; huy động các nguồn lực ngoài ngân sách.

6. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét thẩm định các phương án giá nước thô và giá nước sạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo quy định và khả năng kinh phí của ngân sách tỉnh, chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch đề ra.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, an toàn.

8. Công an tỉnh

Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm lĩnh vực bảo vệ tài nguyên nước, hoạt động cấp nước, xả thải ra môi trường, các công trình cấp nước và hệ thống cấp nước.

9. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã

- Phối hợp thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn.
- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.
- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và mất an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý.

1. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước khu vực nông thôn

- Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của công trình cấp nước do mình quản lý theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn khu vực thu nước, hệ thống cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do đơn vị quản lý.
- Đề xuất lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng nhằm bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng đáp ứng số lượng và chất lượng.
- Đầu tư, cải tạo công trình cấp nước; nâng cấp trang thiết bị giám sát, điều khiển hệ thống cấp nước; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.
- Xây dựng quy trình quản lý, ứng phó, khắc phục rủi ro; bố trí nhân lực, trang thiết bị kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố nhằm giảm thời gian ngừng cấp nước và đáp ứng yêu cầu cấp nước ổn định.
- Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực thực hiện cấp nước an toàn cho cán bộ, người lao động của đơn vị.
- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.
- Báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện nơi có công trình cấp nước và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

VII. Chế độ thông tin, báo cáo

Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị cấp nước và các đơn vị liên quan: Định kỳ **trước ngày 10/12 hàng năm** (hoặc đột xuất) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Định kỳ **trước ngày 15/12 hàng năm** (hoặc *đợt xuất*) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

Trên đây là nội dung Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2028; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động, nghiêm túc triển khai. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị cấp nước;
- Lưu VT, VP3,6.
Bh_VP3_KH23

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN
TẬP TRUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC
NÔNG THÔN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /UBND-VP3 ngày / /2023
của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Công trình cấp nước	Năm đưa vào sử dụng	Công suất phục vụ (m ³ /ng-đ)	Số hộ cấp nước	Nguồn nước cấp	Thời gian hoàn thành lập và thực hiện cấp nước an toàn	Ghi chú
Công ty Cổ phần Nước sạch và VSNT quản lý: 30 công trình							
1	Đức Long	2011	600	1.179	Nước mặt	2023	
2	Gia Tường – Gia Lâm (Lạc Vân)	2013	1.250	2.752	Nước mặt	2023	
3	Gia Thủy - Gia Sơn	2013	1.150	2.022	Nước mặt	2023	
4	Cụm 3 xã: Thượng Hòa, Thanh Lạc, Sơn Thành, (Lạc Vân)	2013	1.550	3.193	Nước mặt	2023	
5	Gia Thắng	2012	450	855	Nước mặt	2023	
6	Gia Xuân	2008	350	1.270	Nước mặt	2024	
7	Gia Thanh	2011	650	1.759	Nước mặt	2024	
8	Gia Trấn	2011	650	1.536	Nước mặt	2024	
9	Khánh Thượng	2012	800	1.865	Nước mặt	2024	
10	Yên Từ	2012	800	1.896	Nước mặt	2024	
11	Yên Đồng	2011	700	1.459	Nước mặt	2024	
12	Yên Lâm - Yên Thái	2013	1.500	3.508	Nước mặt	2024	
13	Yên Nhân	2013	1.350	2.714	Nước mặt	2024	
14	Mai Sơn	2011	400	1.190	Nước mặt	2024	
15	Yên Hưng	2011	400	893	Nước mặt	2024	
16	Yên Hòa	2011	750	1.897	Nước mặt	2024	
17	Khánh Dương	2013	600	1.455	Nước mặt	2024	
18	Ninh An	2012	600	1.639	Nước mặt	2024	
19	Khánh Cư	2013	700	1.758	Nước mặt	2024	
20	Khánh Vân	2012	600	1.435	Nước mặt	2024	
21	Khánh Lợi - Khánh Hải	2013	1.600	2.326	Nước mặt	2024	
22	Khánh Thiện	2012	550	1.070	Nước mặt	2024	

STT	Công trình cấp nước	Năm đưa vào sử dụng	Công suất phục vụ (m ³ /ng-đ)	Số hộ cấp nước	Nguồn nước cấp	Thời gian hoàn thành lập và thực hiện cấp nước an toàn	Ghi chú
23	Khánh Trung	2011	950	1.231	Nước mặt	2024	
24	Khánh Thành	2013	900	1.197	Nước mặt	2024	
25	Khánh Hồng	2012	950	1.987	Nước mặt	2024	
26	Khánh Hội	2013	800	1.092	Nước mặt	2024	
27	Khánh Mậu	2011	760	1.338	Nước mặt	2024	
28	Văn Hải - Kim Tân	2013	1.600	2.000	Nước mặt	2024	
29	Lai Thành	2011	950	2.293	Nước mặt	2024	
30	Yên Lộc	2012	900	1.994	Nước mặt	2024	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình: 03 công trình							
31	Xã Phú Lộc	2007	1200	535	Nước mặt	2024	
32	Xã Kim Mỹ	2013	1200	2523	Nước mặt	2024	
33	Xã Gia Sinh	2010	2400		Nước mặt	2023	
Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Ninh Bình: 02 công trình							
34	Yên Thắng	2004	720	2400	Nước ngầm	2023	
35	Quang Sơn	2003	600	900	Nước ngầm	2023	
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Nước sạch và môi trường Hùng Thành: 04 công trình							
36	Xã Khánh Thịnh	2006	1320	820	Nước mặt	2024	
37	Xã Khánh An	2009	960	960	Nước mặt	2023	
38	Xã Yên Thành	2007	600	670	Nước mặt	2024	
39	Xã Khánh Tiên	2018	1000	320	Nước mặt	2024	
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại Trung Thành: 02 công trình							
40	Xã Yên Bình	2015	700	739	Nước mặt	2023	
41	Xã Ninh Vân	2005	1200	2418	Nước mặt	2024	
Doanh nghiệp tư nhân Đại Thắng: 01 công trình							
42	Xã Gia Hòa	2016	950	1300	Nước mặt	2023	
Công ty TNHH Nước sạch môi trường và Giống cây trồng Đồng Phong: 01 công trình							
43	Xã Đồng Phong	2003	1200	1700	Nước ngầm	2023	
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Phú Vinh: 01 công trình							
44	Thôn Đạm Khê - Ninh Hải	2012	720	1150	Nước mặt	2023	
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Hoàng Bình Minh: 01 CT							
45	Xã Yên Sơn	2018	2500	300	Nước mặt	2024	

STT	Công trình cấp nước	Năm đưa vào sử dụng	Công suất phục vụ (m ³ /ng-đ)	Số hộ cấp nước	Nguồn nước cấp	Thời gian hoàn thành lập và thực hiện cấp nước an toàn	Ghi chú
HTX điện nước và môi trường xã Khánh Phú: 02 công trình							
46	Khánh Phú 1	2005	850	305	Nước mặt	2024	
47	Khánh Phú 2	2005	1200	1400	Nước mặt	2024	
UBND xã: 12 công trình							
48	Xã Gia Phú	2010	1200	1450	Nước mặt	2023	
49	Xã Yên Mạc	2007	720	1117	Nước mặt	2024	
50	Xã Gia Tiến	2010	720	1405	Nước mặt	2024	
51	Xã Gia Lạc	1999	960	600	Nước mặt	2024	
52	Xã Liên Sơn	2012	720	1590	Nước mặt	2024	
53	Xã Xích Thổ	2010	960	1292	Nước mặt	2024	
54	Bản Nga	2012	600	200	Nước mặt	2024	
55	Kênh Gà	2013	650	350	Nước mặt	2024	
56	Xóm 1 - Xã Gia Sinh	2011	100	200	Nước mặt	2024	
57	Văn Lâm - Ninh Hải	2001	400	350	Nước mặt	2024	
58	Thôn Yên Ninh - Yên Quang	2007	240	200	Nước mặt	2024	
59	Thôn 6 - Phú Long	2014	300	200	Nước mặt	2024	